

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày 14 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngọ và ông Hoàng Đình Long

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lưu Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:** Ông Hà Trọng Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

SẨM THỊ N; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 29 tháng 8 năm 1995 tại Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sầm Long S và bà Triệu Thị S1, có chồng là Phùng Quý L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Nguyễn V - Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Bùi Nguyên Q - **Trưởng phòng - Phòng** Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Phùng Quý L; sinh năm 1989. Có mặt.

+ Bà Triệu Thị M, sinh năm 1979; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Văn Đ; sinh năm: 1979; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* **Người bào chữa cho bị cáo Sầm Thị N là:** Bà Nông Thị Lệ Q1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (Có mặt).

*** Người tham gia tố tụng khác:** Bà Mã Thị Y – Phó Trưởng phòng – Phòng Tài chính kế hoạch huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2024, N có dự định trồng cây mỡ, lúa nương tại khu rừng mà gia đình được giao quản lý (lô 16 khoảnh 1, tiểu khu C tại thôn N, xã T, huyện C do chồng của N là anh Phùng Quý L, đứng tên quản lý và lô 9, khoảnh 1, tiểu khu C tại thôn N, xã T, huyện C do anh Trần Văn Đ đứng tên quản lý, sau đó giao lại cho bà Triệu Thị M quản lý). N đã một mình đi đến khu rừng tại thôn N, xã T, huyện C sử dụng cưa lóc để cắt các cây gỗ to và dùng dao phát những cây bé, phát trắng được một đám rừng có diện tích khoảng 7.000 m². Đến khoảng tháng 11 năm 2024, N tiếp tục sử dụng cưa lóc và dao phát, phá trắng thêm một đám rừng khác tại lô C, khoảnh 1 tiểu khu C tại thôn N, xã T, huyện C (do anh Phùng Quý L đứng tên quản lý) có diện tích khoảng 1.800 m².

Ngày 18/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp nhận đơn trình báo của quần chúng nhân dân về việc: tại khu vực Khuổi Hồng thuộc thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có một số đám rừng bị phát phá khoảng hơn 10.000m² thuộc rừng phòng hộ và rừng sản xuất do hộ gia đình bà Sầm Thị N, sinh năm 1995 và bà Lý Thị P, sinh năm 2004 cùng trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn quản lý.

Cùng ngày, Trạm Kiểm lâm Sáu Hai thuộc Hạt Kiểm lâm huyện C, Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy, chữa cháy rừng số 1 phối hợp với UBND xã T tiến hành kiểm tra hiện trường rừng tại lô I, lô A khoảnh A, tiểu khu C thuộc thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Qua kiểm tra, xác định diện tích rừng bị phát phá trái phép là 6.900m². Toàn bộ lâm sản bị thiệt hại còn tại hiện trường là 209 cây, khúc gỗ, có khối lượng 12,187m³ gỗ rừng tự nhiên thông thường, từ nhóm V đến nhóm VIII. Đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã T (theo Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B về phê duyệt rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn) diện tích rừng bị phát phá thuộc lô I, lô 16 khoảnh 1, tiểu khu C theo Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã T thuộc quy hoạch rừng sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất. Vì vậy, Hạt Kiểm lâm huyện C chuyển hồ sơ vụ việc cùng các tài liệu kèm theo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 19/11/2024, Sầm Thị N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để đầu thú và khai nhận về hành vi phát phá rừng trái phép tại lô 9, 16, 39 khoảnh 1, tiểu khu C thuộc thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 21/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phối hợp với Cơ quan chức năng, tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ hủy hoại rừng xảy ra tại thôn N, xã T, huyện C, do Sầm Thị N thực hiện trong tháng 10 và tháng 11 năm 2024.

Kết quả khám nghiệm xác định diện tích rừng bị chặt phá tổng số 8.788m², trong đó: diện tích bị phát, phá tại lô 9 là 682 m²; tại lô 16 là 6.218 m² và tại lô 39 là 1.888 m². Tổng lâm sản bị thiệt hại còn tại hiện trường 276 cây gỗ bị chặt phá phần thân cành đã khô và một số cây bụi, cỏ trong đám thân cây bị chặt hạ đổ có tổng khối lượng là 17,102 m³, từ nhóm V đến nhóm VIII (cụ thể tại lô I, 16 là 209 cây gỗ có khối lượng là 12,187 m³ và tại lô 39 là 67 cây gỗ có khối lượng là 4,915 m³). Tiến hành kiểm tra, đối chiếu với bản đồ quy hoạch 03 loại rừng (ban hành theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND của UBND tỉnh B ngày 26/10/2018 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bắc Kạn) và Bản đồ hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn huyện C (ban hành theo Quyết định 353/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện C) thì diện tích rừng do Sầm Thị N phát phá thuộc lô 9, 16 và 39, khoảnh 1, tiểu khu C quy hoạch chức năng là rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên (Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất).

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 06/12/2024 và công văn số 01/CV – HĐĐG ngày 28/3/2025 về việc đính chính định giá của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: Giá trị thiệt hại phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng đối với việc phát phá rừng trái phép tại Lô I, 16 và lô C K, Tiểu khu C (Bản đồ Quy hoạch 3 loại rừng xã T được phê duyệt tại Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B), thuộc thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào thời điểm tháng 10/2024. Diện tích rừng bị phát phá là 8.788 m² (chưa đốt cháy), chức năng rừng là rừng sản xuất. Trạng thái rừng theo bản đồ HG1 (Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất). Tại thời điểm định giá ngày 06/12/2024: Giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên có diện tích 8.788 m²; giá trị thiệt hại của 276 cây gỗ (nhóm V1), với tổng khối lượng là 17,102m³ để tại hiện trường là **3.298.530đ** (*ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng*). Không xác định được giá trị quyền sử dụng và giá trị môi trường rừng do hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Sầm Thị N đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Trong quá trình điều tra, Sầm Thị N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về thời gian, địa điểm, mục đích và hình thức phát phá. Bị cáo khai thực hiện phát phá nhằm mục đích lấy đất trồng cây mỗ. Sầm Thị N dùng dao phát các bụi cỏ sau đó dùng cưa máy cầm tay cắt hạ cây gỗ, phát, phá xong trong khoảng thời gian tháng 10 và tháng 11. Bị cáo nhận thức khu rừng bị phát phá là của anh Phùng Quý L (chồng bị cáo) và bị cáo đã phát lân sang của bà Triệu Thị M. Khi phát N không hỏi ý kiến ai, không nói cho ai biết, cũng như không được cơ quan chức năng nào cho phép. Nái thực hiện hành vi phát phá rừng một mình.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (Một) chiếc cửa xăng cầm tay cũ, đã qua sử dụng, vỏ máy màu cam, tay cầm bằng nhựa màu đen và trắng, không có lam xích

- 01 (Một) con dao quắm, lưỡi dao được làm bằng kim loại dài 30cm, chuôi dao được làm một phần bằng kim loại dài 10cm, một phần bằng gỗ dài 21cm gắn liền vào nhau tạm giữ của Sầm Thị N.

- 276 (Hai trăm bảy mươi sáu) cây gỗ bị chặt phá phần thân cành đã khô và một số cây bụi, cỏ trong đám thân cây bị chặt hạ đổ có tổng khối lượng là 17,102 m³ (Mười bảy phẩy một trăm linh hai mét khối), từ nhóm V đến nhóm VIII.

Ngày 06/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Các vật chứng khác được bảo quản theo quy định.

Nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã cử ông Bùi Nguyên Q - Trưởng Phòng NN và PTNT huyện C (Nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường) đại diện tham gia tố tụng đã có đơn đề nghị yêu cầu Sầm Thị N phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước tổng số tiền 3.298.530đ (Ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng) theo Kết luận định giá tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSCM ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn truy tố Sầm Thị N về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát bổ sung cáo trạng, bổ sung thêm nội dung Công văn số 01/CV-HĐĐGTSTTHS ngày 28/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C về việc đính chính Kết luận số 30 ngày 06/12/2024 xác định: Không xác định được giá trị quyền sử dụng và giá trị môi trường rừng do hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có thắc mắc đối với nội dung bổ sung trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên

quyết định truy tố đối với bị cáo Sầm Thị N, Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sầm Thị N phạm tội “Huỷ hoại rừng”.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sầm Thị N phạm tội “Huỷ hoại rừng”.

- Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sầm Thị N 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi tư) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) tháng đến 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Sầm Thị N.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự:

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự: Bị cáo Sầm Thị N có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 3.298.530đ (Ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để đảm bảo cho việc bồi thường. Bị cáo còn phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 798.530đ (bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47/BLHS, Điều 106 Bộ luật TTHS:

+ Đối với 276 (Hai trăm bảy mươi sáu) cây gỗ bị chặt phá phần thân cành đã khô và một số cây bụi, cỏ trong đám thân cây bị chặt hạ đổ có tổng khối lượng là 17,102 m³ (Mười bảy phẩy một trăm linh hai mét khối), từ nhóm V đến nhóm VIII là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn là có căn cứ cho nên đề nghị Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

+ Đối với 01 con dao quắm đã cũ là công cụ phạm tội, xác định đây cũng là tài sản của bị cáo, xét thấy con dao đã cũ, không còn giá trị. Do đó đề nghị tịch thu tiêu hủy con dao.

+ Đối với chiếc cưa máy của bị cáo và anh Phùng Quý L, bị cáo N dùng để phá rừng, thực hiện hành vi phạm tội vì vậy đây là công cụ, phương tiện phạm tội. Anh Phùng Q2 Lưu không đề nghị lấy lại và không có yêu cầu gì liên quan tới chiếc cưa máy trong vụ án này, do đó cần tịch thu, hoá giá, sung quỹ nhà nước.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tạm giữ số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) mà bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, theo Biên lai số 0001366 ngày 11/3/2025 và biên lai số 0001372 ngày 14/5/2025, để đảm bảo trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị cáo.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Triệu Thị M và ông Trần Văn Đ có ý kiến: Bà M và ông Đ không biết việc bị cáo N phát, phá diện tích rừng mà bà M, ông Đ được giao quản lý, sử dụng và ông, bà không có yêu cầu gì liên quan tới vụ việc nêu trên.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt đại diện Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 3.298.530đ và không yêu cầu gì khác, đồng thời nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Sầm Thị N.

* Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật. Bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định theo điểm b, khoản 1, Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 50/BLHS để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo từ 18 đến 24 tháng, thời gian thử thách 36 đến 48 tháng theo quy định của pháp luật; không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo và miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận.

* Tại lời nói sau cùng bị cáo Sầm Thị N nhất trí với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả định giá theo văn bản số 01/CV-HĐĐGTSTTHS ngày 28/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản như đã nêu ở trên và thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, do bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở xác định:

Khoảng tháng 10 và tháng 11 năm 2024, Sầm Thị N đã có hành vi dùng máy cưa xăng và dao phát phá trái phép 8.788m² (Tám nghìn bảy trăm tám mươi tám mét vuông) diện tích rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên (Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất) tại các lô 9, lô A và lô C, khoảnh 1, tiểu khu C (Thuộc các thửa đất số 4, 48 và 13 tờ bản đồ số 1 theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T) tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tuy chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép nhưng Sầm Thị N đã có hành vi phát, phá diện tích rừng trên thuộc Bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã T được phê duyệt tại Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Chức năng rừng là rừng sản xuất. Trạng thái rừng theo bản đồ HG1 (Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất) do anh Phùng

Quý L và bà Triệu Thị M, ông Trần Văn Đ, đều trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được giao quản lý.

Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản là **3.298.530đ** (*Ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng*) trong đó: Khối lượng gỗ tại lô 9, 16 là 12.187 m³ có giá trị là 2.315.530đ (hai triệu ba trăm mười lăm nghìn năm trăm ba mươi đồng) và khối lượng gỗ tại lô 39 là 4.915 m³ có giá trị là 983.000đ (chín trăm tám mươi ba nghìn đồng). Không xác định được giá trị quyền sử dụng và giá trị môi trường rừng do hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng.

Hành vi vi phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước; xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý.

Như vậy, hành vi của Sầm Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Từ những căn cứ trên, xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn truy tố Sầm Thị N về tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tội phạm Sầm Thị N đã thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra và nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do đó đây là các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/ BLHS.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về hình phạt chính: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ. Việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo hưởng án treo, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội, tuy nhiên, mục đích hủy hoại rừng của bị cáo là để lấy đất sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, thực tế chưa thu lợi gì từ việc phá rừng. Xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, kinh tế khó khăn, bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định (Thu nhập chủ yếu từ làm nông nghiệp), bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi phá rừng trái phép của bị cáo gây thiệt hại với tổng giá trị là 3.298.530đ (Ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng). Trong đó: Đối với giá trị thiệt hại về lâm sản đối với 276 cây gỗ bị cưa, chặt đổ thuộc loại gỗ thông thường, tự nhiên nhóm V - VIII với tổng khối lượng là 17,102m³ để lại tại hiện trường tại thời điểm xảy ra vụ việc tháng 10, tháng 11 năm 2024 có giá trị là 3.298.530đ (Ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã cử ông Bùi Nguyên Q - Trưởng Phòng NN và PTNT huyện C (Nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường) đại diện tham gia tố tụng đã có đơn đề nghị yêu cầu Sầm Thị N phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước tổng số tiền 3.298.530đ (Ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng) theo Kết luận định giá tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để đảm bảo cho việc bồi thường. Bị cáo còn phải

tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền 798.530đ (*bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng*). Bị cáo khai mục đích nộp khoản tiền này là để bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện C, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị cáo chưa bồi thường được hết số tiền còn lại nhưng bị cáo vẫn có nguyện vọng được tự nguyện tiếp tục bồi thường tất cả số tiền thiệt hại còn lại để bồi thường khắc phục hậu quả do mình gây ra cho Nguyên đơn dân sự. Xét thấy đây là sự tự nguyện bồi thường của bị cáo, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần được chấp nhận.

* Đối với phần bồi thường giá trị thiệt hại về môi trường, giá trị thiệt hại về quyền sử dụng rừng với diện tích 8.788 m² rừng sản xuất bị phát phá: **Quá trình giải quyết vụ án cơ quan chức năng không xác định được thiệt hại. Quá trình giải quyết vụ án bà Mã Thị Y – Phó Trưởng phòng - Phòng Tài chính Kế hoạch huyện C, là chủ tịch Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với vụ án khẳng định: Căn cứ vào tài liệu hiện có và thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ N2 thì hội đồng định giá chỉ xác định được giá trị về lâm sản; không xác định được giá trị quyền sử dụng và giá trị môi trường rừng do hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng. Hiện nay, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn đã ban hành thì không định giá được thiệt hại về quyền sử dụng và giá trị môi trường rừng do hành vi vi phạm pháp luật gây ra. Do đó, hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.**

[7] Về vật chứng:

- Đối với 276 (*Hai trăm bảy mươi sáu*) cây gỗ bị chặt phá phần thân cành đã khô và một số cây bụi, cỏ trong đám thân cây bị chặt hạ đổ có tổng khối lượng là 17,102 m³ (*Mười bảy phẩy một trăm linh hai mét khối*), từ nhóm V đến nhóm VIII. Ngày 06/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Xét thấy là có căn cứ, đúng quy định do đó Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

- Đối với 01 (Một) con dao quắm, lưỡi dao được làm bằng kim loại dài 30cm, chuôi dao được làm một phần bằng kim loại dài 10cm, một phần bằng gỗ dài 21cm gắn liền vào nhau đã cũ là công cụ phạm tội, là tài sản của bị cáo. Xét thấy con dao đã cũ, không còn giá trị và giá trị sử dụng do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (Một) chiếc cưa xăng cầm tay cũ, đã qua sử dụng, vỏ máy màu cam, thân máy được gắn tem có dòng chữ TOPSUN GASOLINE CHAIN SAW, tay cầm bằng nhựa màu đen và trắng, không có lam xích mà bị cáo dùng để phá rừng là tài sản của vợ chồng (Sầm Thị N và Phùng Quý L), bị cáo đã dùng chiếc cưa máy để thực hiện hành vi phạm tội một mình, xét thấy đây là công cụ phạm tội, là tài sản chung của vợ chồng bị cáo nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phùng Q2 Lưu không yêu cầu lấy lại và không có yêu cầu gì thêm đối với chiếc cưa lóc do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu, hoá giá sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 2.500.000đ mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phùng Quý L (chồng của bị cáo N) xác định số tiền 2.500.000đ mà bị cáo N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để khắc phục hậu quả là tài sản chung của vợ chồng anh L và bị cáo. Anh L nhất trí để bị cáo nộp tiền và không yêu cầu bị cáo phải trả lại phần tiền của anh đã góp trong đó và không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Diện tích rừng mà Sầm Thị N phát phá thuộc thửa đất do anh Phùng Quý L, bà Triệu Thị M, ông Trần Văn Đ được giao quản lý, sử dụng. Xác định khi bị cáo phát, phá không thông báo hay hỏi ý kiến của anh L, bà M, ông Đ và những người này cũng không biết về hành vi của bị cáo do đó không xem xét xử lý đối với anh Phùng Quý L, bà Triệu Thị M, ông Trần Văn Đ là có cơ sở.

[9] Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân: Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo là thuộc hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, xét thấy cần miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sầm Thị N phạm tội “*Hủy hoại rừng*”

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Sầm Thị N **18 (Mười tám)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **36 (Ba mươi sáu)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự thỏa

thuận giữa bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự: Bị cáo Sầm Thị N có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền **3.298.530đ** (*Ba triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng*) **để nộp ngân sách Nhà nước**. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới để đảm bảo cho việc bồi thường. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền **798.530đ** (*Bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao bằng kim loại (dao quắm), phần lưỡi dao được làm bằng kim loại, han gỉ, đã qua sử dụng, lưỡi dao dài 30cm, bản rộng trung bình 4,5cm, chuôi dao được làm một phần bằng kim loại dài 10cm, phần chuôi dao bằng gỗ có độ dài 21cm. Trên thân của dao được dán 01 giấy niêm phong có 02 (hai) dấu đỏ hình tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn, 01 (một) chữ ký “Nái” và 03 (ba) chữ ký không đọc được và 04 (bốn) dòng chữ “Sầm Thị N, Nguyễn Văn N1, Dịp Thanh H, Nguyễn Ngọc H1”.

- Tịch thu, hoá giá sung quỹ nhà nước: 01 (Một) chiếc cưa là loại cưa xăng cầm tay (Cưa lóc) cũ, đã qua sử dụng có đặc điểm vỏ máy màu cam, tay cầm bằng nhựa màu đen và trắng, thân máy được gắn tem có dòng chữ TOPSUN GASOLINE CHAIN SAW, không có lam xích. Trên thân của chiếc cưa máy được dán 02 (hai) dấu đỏ hình tròn của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn, 01 (một) chữ ký “Nái” và 03 (ba) chữ ký không đọc được và 04 (bốn) dòng chữ “Sầm Thị N, Nguyễn Văn N1, Dịp Thanh H, Nguyễn Ngọc H1”.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn).

- Tạm giữ số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) mà bị cáo Sầm Thị N nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, theo Biên lai số 0001366

ngày 11/3/2025 và Biên lai số 0001372 ngày 14/5/2025, để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị cáo.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Quý L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị M, ông Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bắc Kạn;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; NĐDS; Người có QLNVLQ;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan Anh